

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng kết niên vụ Cà phê 2021-2022 và Kế hoạch niên vụ Cà phê 2022-2023

A. TÌNH HÌNH CHUNG

Đắk Lắk được xem là thủ phủ cà phê của Việt Nam bởi diện tích và sản lượng luôn đứng đầu cả nước. Cà phê là sản phẩm nông nghiệp chủ lực trong cơ cấu nền kinh tế tỉnh, là sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm xã hội và kim ngạch xuất khẩu hàng năm của tỉnh, cà phê ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu nhập của đại đa số người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh.

Với diện tích cà phê 213.336 ha, sản lượng đạt trên 526.700 tấn/năm, cây cà phê không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế – xã hội mà còn có ý nghĩa to lớn về văn hóa du lịch. Quá trình phát triển ngành cà phê kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, văn hóa bản địa, đã thu hút ngày càng tăng lượng du khách đến thăm quan du lịch tại Đắk Lắk.

Niên vụ cà phê 2021-2022 vẫn chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và dịch bệnh COVID-19 còn nhiều diễn biến phức tạp của các biến chủng, xung đột quân sự Nga - Ukraina gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, giá cả leo thang, kinh tế thế giới lạm phát cao gây ra nhiều khó khăn cho thị trường cà phê.

Trước những khó khăn, thách thức trên, với sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, các ngành các cấp trong tỉnh tập trung triển khai tốt các nội dung, nhiệm vụ theo chỉ đạo. Niên vụ cà phê 2021-2022 đạt kết quả, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÀ PHÊ NIÊN VỤ 2021-2022

1. Tình hình sản xuất

- Về diện tích cà phê: Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, diện tích cà phê Niên vụ 2021-2022 đạt 213.336 ha, tăng 3.381 ha so với niên vụ trước, trong đó diện tích cho sản phẩm 199.904 ha, tăng 4.906 ha so với niên vụ 2020-2021, năng suất bình quân đạt 26,34 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 526.793 tấn, tăng 17.894 tấn so với niên vụ trước. Năng suất cà phê hiện nay tăng là do một số diện tích cà phê tái canh đã được người dân sử dụng các giống mới, chất lượng cao, đồng thời việc chăm sóc thâm canh cũng được chú trọng hơn, *Chi tiết như phụ lục I kèm theo.*

Thực trạng sản xuất cà phê hiện nay trên địa bàn tỉnh đang diễn ra đó là: Hình thức tổ chức sản xuất cà phê chủ yếu là sản xuất cá thể, quy mô nhỏ lẻ, manh mún. Hiện chỉ có khoảng trên 10% diện tích cà phê sản xuất tập trung thành vùng chuyên canh do các Công ty thuộc Tổng công ty cà phê Việt Nam, các Công ty cà phê thuộc tỉnh Đắk Lắk và doanh nghiệp quản lý, còn lại gần

90% diện tích cà phê của tỉnh là do nông dân tự trồng, chăm sóc và quản lý. Việc tái canh cây cà phê già cỗi, sâu bệnh, chất lượng kém đang gặp khó khăn vì cần thực hiện quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt và vốn đầu tư lớn. Tình trạng thu hái quả cà phê xanh diễn ra phổ biến, khâu chế biến còn bất cập, thiếu gắn kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ, một số doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn chưa quan tâm nhiều đến phát triển vùng nguyên liệu.

- Về tổ chức sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận/xác nhận.

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện có 04 loại hình cà phê chứng nhận phổ biến gồm: 4C (bộ nguyên tắc chung cho cộng đồng cà phê), UTZ Certified, RFA (Rừng nhiệt đới) và FLO (Thương mại công bằng).

Trong niên vụ 2021-2022, trên địa bàn tỉnh có 08 đơn vị được chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý, nâng tổng số đơn vị được trao quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý là 14 đơn vị, trong đó có 12 đơn vị được trao quyền sử dụng cà phê nhân với tổng diện tích 20.326 ha, sản lượng đăng ký 39.890 tấn/năm và 07 đơn vị được trao quyền sử dụng cà phê rang xay với 193 tấn cà hạt rang, 125 tấn cà phê bột, 2.000 tấn cà phê hòa tan nguyên chất.

- Về tái canh cà phê: Để tiếp tục triển khai Chương trình tái canh cà phê, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 về việc ban hành Kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích tái canh 24.441,78 ha, bình quân hàng năm sẽ tái canh khoảng 4.800 ha.

Theo báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố: Kết quả tái canh đến năm 2022 là 6.893,32 ha/24.441,78 ha, đạt 28,20% kế hoạch, riêng năm 2022 thực hiện tái canh được 3.389,75 ha/ 4.757,80 kế hoạch, đạt 71,25%. *Chi tiết như phụ lục II kèm theo.*

- Đồng hành cùng với Chương trình tái canh cà phê của tỉnh, thông qua Chương trình Hợp tác Công tư (PPP), Công ty TNHH Nestlé Việt Nam phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và Viện KHKT Nông lâm nghiệp Tây Nguyên tổ chức hỗ trợ cây giống cho 14 huyện, thị xã, thành phố với hình thức hỗ trợ giá 1.000 đồng/ cây giống. Tổng cây giống hỗ trợ năm 2022 khoảng 5.150.000 cây giống, trong đó: Cư M'gar 820.000 cây giống, Krông Năng 640.000 cây giống, Ea H'leo 632.000 cây giống, Krông Ana 595.000 cây giống Ea Kar 590.000 cây giống, Cư Kuin 486.000 cây giống, Krông Búk 353.000 cây giống, Krông Pắc 380.000 cây giống, Buôn Ma Thuột 273.000 cây giống...

- Về cơ cấu giống cà phê: Viện KHKT Nông lâm nghiệp Tây Nguyên đã nghiên cứu, lai tạo, tuyển chọn 9 dòng cà phê vối, gồm: TR4, TR5, TR6, TR7, TR8, TR9, TR11, TR12, TR13. Đây là những dòng cà phê mới đạt năng suất cao từ 4,2- 7 tấn cà phê nhân/ha, chất lượng tốt, có cỡ hạt lớn đạt loại 1 trên 65%, kháng cao với bệnh gỉ sắt, tăng khả năng cạnh tranh mặt hàng xuất khẩu cà phê trên thị trường thế giới, trong đó có 4 dòng cà phê vối chín muộn: TR9, TR11, TR12, TR13 nhằm chuyển dần thời gian thu hoạch cà phê vào đúng mùa khô không những thuận lợi trong việc thu hoạch, bảo đảm chất lượng cà phê không bị hư hỏng do mưa trong quá trình phơi sấy mà còn giảm được lượng

nước tưới cho cây cà phê trong mùa khô. Xây dựng vườn sản xuất hạt giống cà phê với bằng các dòng vô tính chọn lọc, mỗi năm sản xuất, cung cấp từ 5-7 tấn hạt giống lai đa dòng TRS1.

- Về hệ thống thủy lợi phục vụ cho cây cà phê: Cây cà phê có nhu cầu tưới rất lớn để đảm bảo thâm canh và sản xuất bền vững. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 855 công trình thủy lợi (gồm 618 hồ chứa, 159 đập dâng, 76 trạm bơm và 02 tuyến đê bao); Tổng chiều dài Kênh mương 2.427,73 km, đã kiên cố hóa được 1.593,63 km kênh mương các loại.

Diện tích cà phê hiện có của tỉnh là 213.336 ha, trong đó diện tích tưới được hỗ trợ tiền, dịch vụ sử dụng giá sản phẩm công ích thủy lợi năm 2022 được tưới từ công trình thủy lợi 58.806 ha; diện tích được tưới từ các hồ chứa của các Công ty cà phê, công an, bộ đội, sông suối, ao hồ do tạo nguồn và nước ngầm là 154.530 ha. Ngoài ra, toàn tỉnh có 53.318,97 ha diện tích cà phê được áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Việc không chủ động nguồn nước tưới cho cà phê đã làm cho sản xuất cà phê thiếu tính bền vững, đặc biệt là trong bối cảnh biến đổi khí hậu đã và đang xảy ra làm gia tăng tình trạng suy thoái nguồn nước, dẫn đến nguy cơ thiếu nước tưới cho nông nghiệp, đặc biệt là cây cà phê. Để góp phần đảm bảo cho sản xuất cà phê Đắk Lắk mang tính bền vững thì việc đầu tư xây dựng hệ thống các công trình thủy lợi phục vụ tưới cho cà phê trong thời gian tới hết sức cấp thiết.

- Tình hình phát triển kinh tế tập thể: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 39/226 Tổ hợp tác và 53/442 Hợp tác xã nông nghiệp trong lĩnh vực sản xuất cà phê. Trong đó có khoảng 31/52 HTX cà phê có liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp và 05 HTX có sản phẩm được chứng nhận OCOP. Hợp tác xã sản xuất cà phê hiện nay hoạt động mang lại hiệu quả khá cao phù hợp với điều kiện sản xuất cà phê của tỉnh Đắk Lắk và là xu hướng phát triển tất yếu trong quá trình hội nhập quốc tế nhằm liên kết các hộ nông dân trồng cà phê và tổ chức lại sản xuất theo hướng bền vững có chứng nhận, tích cực ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, liên kết với các doanh nghiệp,... góp phần tạo ra sản phẩm cà phê có chất lượng và giá trị kinh tế cao trên thị trường.

2. Tình hình chế biến

Trên địa bàn tỉnh hoạt động chế biến cà phê chủ yếu là chế biến ướt và chế biến khô, công nghệ chế biến cà phê nhân theo công nghệ khô dùng để chế biến cà phê Robusta (chế biến khô đơn giản), công nghệ chế biến ướt dùng để chế biến cà phê nhân từ nguyên liệu cà phê tươi (chế biến ướt tạp chất và quả xanh non được loại ngay từ đầu, chất lượng tốt và đồng đều). Tuy nhiên, đa phần các cơ sở chế biến cà phê hiện nay hoạt động với quy mô nhỏ, chế biến khô với trang thiết bị máy móc đơn giản (01 máy rang, 01 máy xay, 01 máy đóng gói), chỉ có một số cơ sở đầu tư với quy mô và công suất lớn, sử dụng máy móc hiện đại như: Công ty Cổ phần cà phê Trung Nguyên, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thái, Công ty TNHH Mehycó, cơ sở cà phê bột Uy tín, Công ty TNHH cà phê Trường Giang....

Đắk Lắk hiện có 255 cơ sở chế biến cà phê, trong đó có 239 cơ sở sản xuất cà phê bột, 13 cơ sở vừa sản xuất cà phê bột và cà phê hòa tan, 10 cơ sở sơ chế

cà phê nhân xô xuất khẩu, 02 cơ sở vừa sản xuất cà phê bột và tinh cà phê, 01 Cơ sở sản xuất tinh cà phê. Tổng sản lượng chế biến khoảng 469.500 tấn, cụ thể như sau:

- Cà phê nhân sản lượng ước đạt 430.000 tấn (kế hoạch năm 430.000 tấn), đạt 100% so với kế hoạch năm và đạt 104.9% so với năm 2020;

- Cà phê bột các loại sản lượng ước đạt 30.000 tấn (kế hoạch năm 30.000 tấn), đạt 100% so với kế hoạch năm và đạt 102.4% so với năm 2020;

- Cà phê hòa tan ước đạt 9.500 tấn (kế hoạch năm 9.500 tấn), đạt 100% kế hoạch năm và đạt 105.6% so với năm 2020.

- Hiện nay đa phần các cơ sở chế biến cà phê nguyên chất theo hướng hữu cơ, cà phê sạch theo nhu cầu của người tiêu dùng. Tuy nhiên, chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế và khó khăn nhất định, như: Cơ sở chế biến quy mô nhỏ, thiết bị và công nghệ của các doanh nghiệp lạc hậu, nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu, hàng hoá chưa đa dạng, do vậy sức cạnh tranh trên thị trường còn hạn chế.

3. Tình hình cho vay đối với lĩnh vực cà phê: Theo Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk, doanh số cho vay (*bao gồm trồng mới, chăm sóc, thu mua, xuất khẩu*) cà phê niên vụ 2021 – 2022 bình quân đạt 20.754 tỷ đồng, cao hơn doanh số bình quân niên vụ 2020-2021 khoảng 3.777 tỷ đồng.

- Dự nợ cho vay cà phê bình quân niên vụ 2021 -2022 đạt 20.961 tỷ đồng, thời điểm cao nhất dự nợ đạt 23.959 tỷ đồng, thời điểm thấp nhất dự nợ đạt 19.641 tỷ đồng. Trong đó, dự nợ bình quân cho vay trồng trọt đạt 12.798 tỷ; thu mua, tiêu thụ, xuất khẩu đạt 6.362 tỷ đồng; chế biến, bảo quản đạt 1.201 tỷ đồng. Vào chính vụ (từ tháng 1- 5) dự nợ cho vay thu mua, xuất khẩu cà phê đạt mức cao trên 8.371 tỷ đồng; Đến tháng 9/2022, dự nợ cho vay cà phê đạt 19.641 tỷ đồng, chiếm 14,92% tổng dự nợ cho vay toàn địa bàn tỉnh, với 115.756 khách hàng còn dự nợ. Trong đó, dự nợ cho vay ngắn hạn đạt 13.396 tỷ đồng (chiếm 68,2 % dự nợ cho vay cà phê), cho vay trung hạn đạt 6.245 tỷ đồng (chiếm 31,8% dự nợ cho vay cà phê).

- Kế hoạch cho vay niên vụ cà phê 2022-2023: Nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực cà phê của người dân và doanh nghiệp niên vụ cà phê (2022-2023); ngày 03/10/2022, Ngân hàng nhà nước tỉnh đã ban hành Công văn số 758/ĐAL-TH&KSNB chỉ đạo các Chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn tập trung ưu tiên bố trí nguồn vốn để đáp ứng kịp thời, đầy đủ nhu cầu vay vốn đầu tư hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực cà phê của các doanh nghiệp, hộ gia đình trên địa bàn, đặc biệt là lúc cao điểm (tháng 11,12/2022 và tháng 01/2023); Các Chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn cam kết đáp ứng nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp, người dân sản xuất kinh doanh cà phê trên địa bàn tỉnh (niên vụ 2022-2023), trước mắt, dự kiến nguồn vốn cho vay khoảng hơn 8.000 tỷ đồng. Sau khi được Hội sở chính phân bổ thêm nguồn vốn hoạt động, các Chi nhánh Ngân hàng thương mại tiếp tục cân đối để ưu tiên cho vay đối với lĩnh vực cà phê.

II. TÌNH HÌNH KINH DOANH, XUẤT KHẨU CÀ PHÊ NIÊN VỤ 2021-2022.

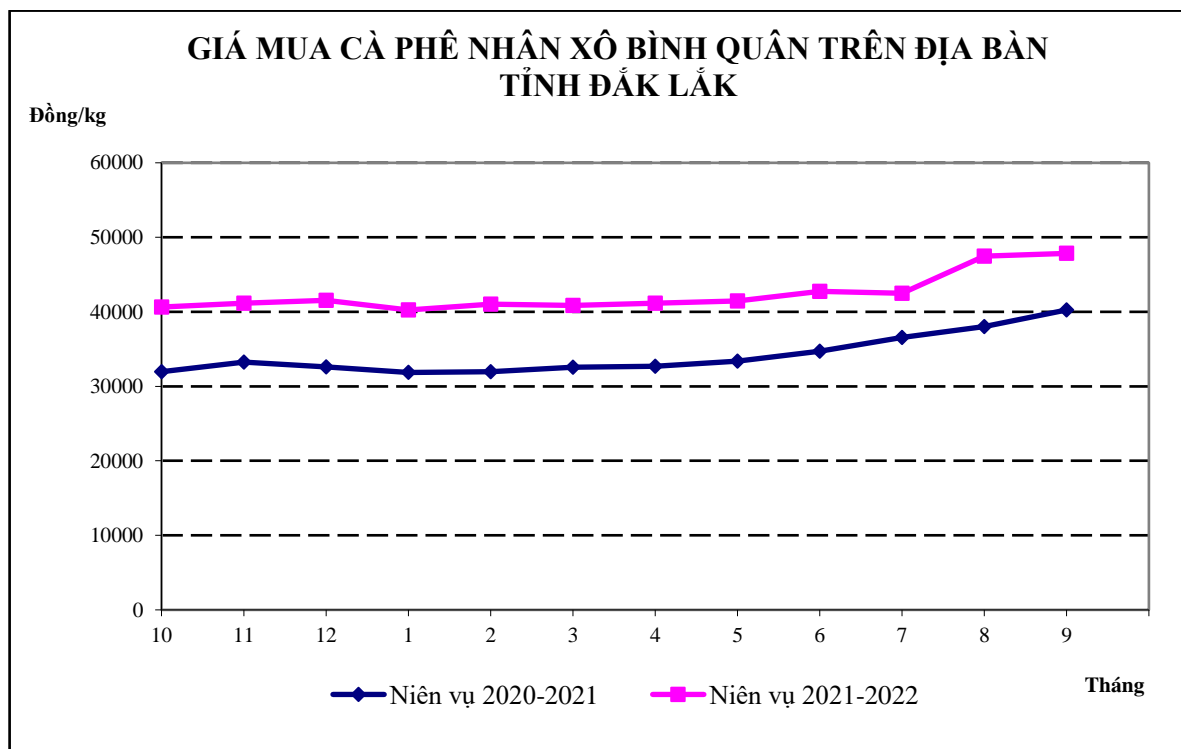
Tình hình kinh doanh, xuất khẩu cà phê tỉnh Đắk Lắk niên vụ 2021-2022 dù có khởi sắc nhưng vẫn còn khó khăn do dịch bệnh COVID-19 còn nhiều diễn biến phức tạp của các biến chủng, xung đột quân sự Nga - Ukraina gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, giá cả leo thang, kinh tế thế giới lạm phát cao gây ra nhiều khó khăn cho thị trường cà phê. Hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu cà phê niên vụ 2021-2022 đạt được những kết quả như sau:

1. Giá cà phê

1.1. Giá mua cà phê

Giá cà phê nhân xô bình quân trên địa bàn tỉnh trong niên vụ 2021-2022 là 42.388 đồng/kg (tăng 24,1% so với giá bình quân niên vụ 2020-2021 là 34.151 đồng/kg). Thời điểm giá mua bình quân cao nhất là tháng 9/2022 đạt trung bình 47.842 đồng/kg, ngày có giá mua cao nhất 50.200 đồng/kg (ngày 25/8/2022); tháng 1/2022 có giá mua trung bình thấp nhất chỉ ở mức 40.248 đồng/kg, giá mua thấp nhất trong niên vụ là 39.200 đồng/kg (ngày 04/3/2022).

Biểu đồ giá mua cà phê nhân xô bình quân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



(Nguồn: Sở Công Thương)

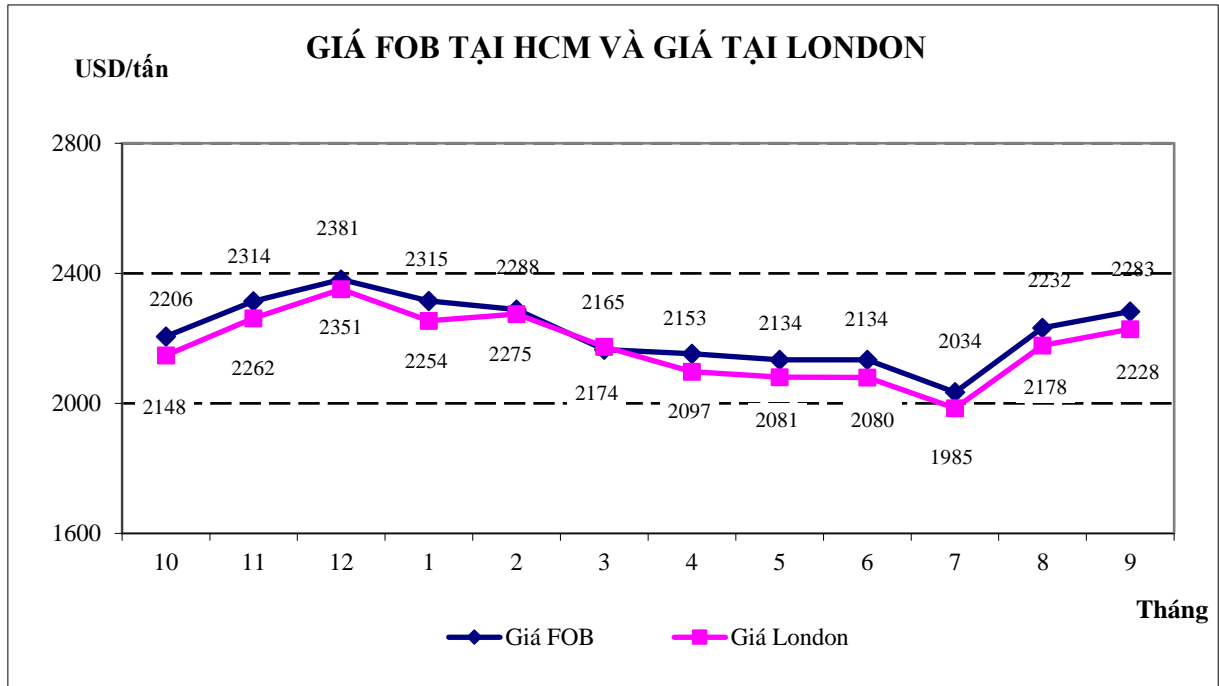
1.2 Giá xuất khẩu

- Giá cà phê Robusta trên thị trường London trong niên vụ 2021-2022 bình quân là 2.176 USD/tấn, tăng 42,2% so với giá trung bình của niên vụ 2020-2021 là 1.530 USD/tấn. Mức giá chào mua trên thị trường London giữ ở mức cao và tăng ở những tháng cuối niên vụ do nguồn cung hạn chế, tình hình dịch bệnh covid -19 vẫn đang diễn biến phức tạp với các biến chủng mới, xung đột Nga -

Ukraina khiến các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU chững lại. Giá tăng cũng có nguyên nhân một phần do giá cước phí vận tải biển cao.

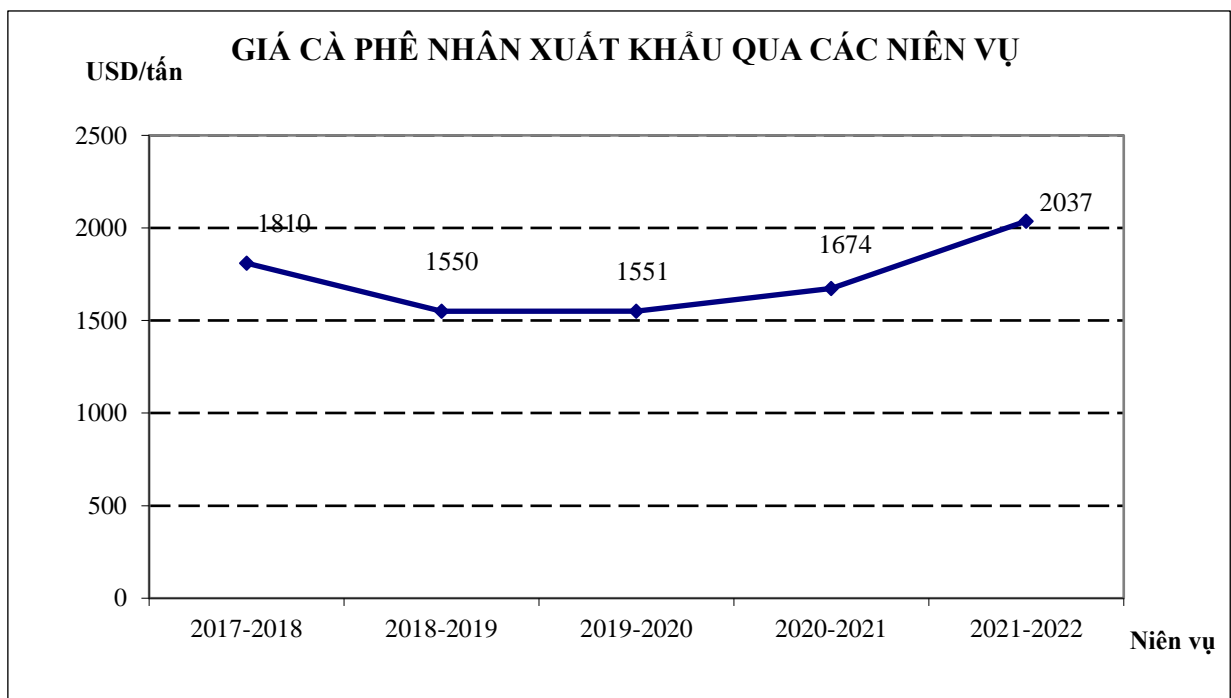
- Trong niên vụ 2021-2022 giá FOB tại thành phố Hồ Chí Minh đạt bình quân 2.220 USD/tấn, tăng 38,8% so với niên vụ 2020-2021 và có giá cao hơn với mức giá bình quân tại London là 44 USD/tấn.

Biểu đồ giá cà phê trên thị trường London và giá FOB niên vụ 2021-2022



- Giá xuất khẩu cà phê nhân bình quân của các doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk trong niên vụ cà phê 2021-2022 đạt 2.037 USD/tấn, tăng 363 USD/tấn so với niên vụ trước.

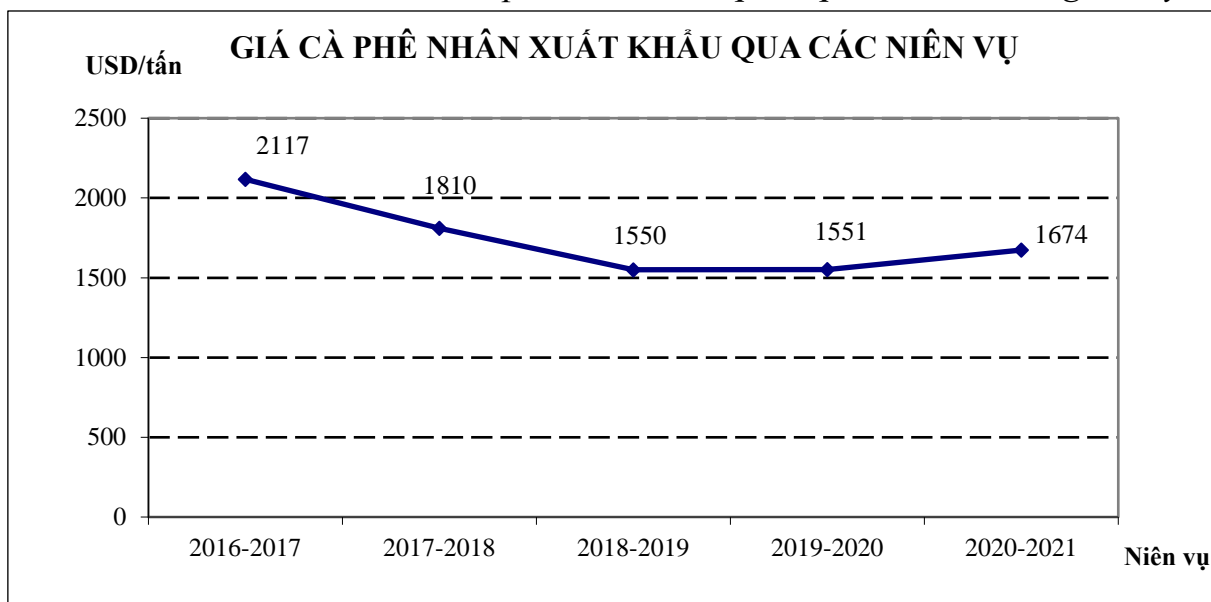
Biểu đồ: Giá xuất khẩu cà phê nhân bình quân qua các niên vụ gần đây.



(Nguồn: Sở Công Thương)

- Giá xuất khẩu cà phê nhân bình quân của các doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk trong niên vụ cà phê 2020-2021 đạt 1.674 USD/tấn, tăng 123 USD/tấn so với niên vụ trước.

Biểu đồ: Giá xuất khẩu cà phê nhân bình quân qua các Niên vụ gần đây.



(Nguồn: Sở Công Thương)

2. Tình hình xuất khẩu

2.1. Số lượng và kim ngạch xuất khẩu

Theo số liệu thống kê của Tổng Cục hải quan Việt Nam, niên vụ 2021-2022 cả nước xuất khẩu cà phê đạt hơn 1,717 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 3,9 tỷ USD, tăng 14,6% về lượng và tăng 38,6% về giá trị so với niên vụ trước.

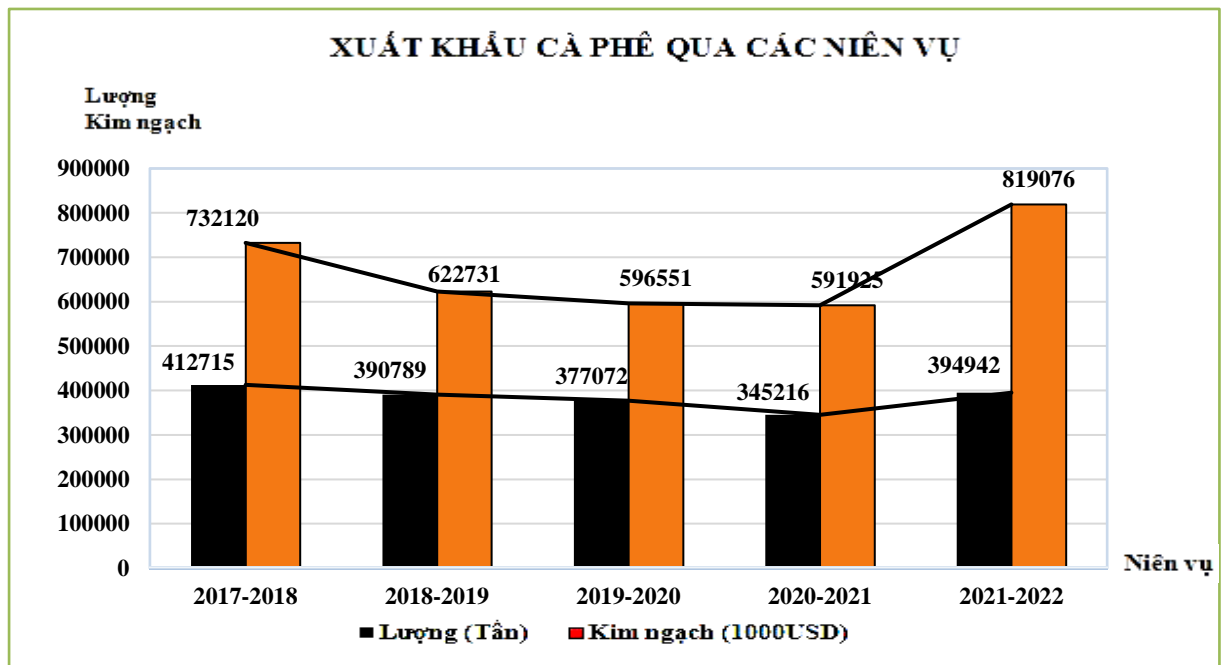
Niên vụ cà phê 2021-2022, tỉnh Đắk Lắk xuất khẩu cà phê đạt 394.942 tấn, tăng 49.726 tấn so với niên vụ 2020-2021 (tăng 14,4%), chiếm tỷ trọng 23% so với cả nước; kim ngạch xuất khẩu đạt 819,076 triệu USD, tăng 227,15 triệu USD so với niên vụ trước (tăng 38,4%), chiếm tỷ trọng 21% so với cả nước. Nếu so với niên vụ 2020-2021, lượng cà phê xuất khẩu và kim ngạch xuất khẩu đều tăng, trong đó:

- Xuất khẩu cà phê nhân đạt 373.615 tấn, kim ngạch đạt 702,767 triệu USD (so với niên vụ 2020-2021 tăng 13,2% về số lượng và tăng 36,6% về kim ngạch).

- Xuất khẩu cà phê hòa tan đạt 21.327 tấn, chiếm tỷ lệ 5,4% số lượng cà phê xuất khẩu; kim ngạch xuất khẩu đạt 116,309 triệu USD, chiếm tỷ lệ 14,2% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của tỉnh. So với niên vụ cà phê 2020-2021 số lượng cà phê hòa tan xuất khẩu tăng 6.138 tấn, kim ngạch xuất khẩu tăng 38,767 triệu USD. Nhìn chung xuất khẩu cà phê trên địa bàn tỉnh chủ yếu vẫn là cà phê nhân, cà phê hòa tan các niên vụ gần đây số lượng và kim ngạch xuất khẩu tăng nhưng vẫn chiếm tỉ lệ còn thấp trong kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Các sản phẩm cà phê chế biến khác như cà phê rang, cà phê bột... vẫn chưa xuất khẩu được nhiều.

Niên vụ này, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 08 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu cà phê, trong đó có 04 doanh nghiệp địa phương, 03 doanh nghiệp FDI và 01 Chi nhánh của doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Intimex tại Buôn Ma Thuột). Trong đó một số doanh nghiệp có lượng cà phê xuất khẩu lớn, như: Công ty TNHH một thành viên XNK 2/9 Đắk Lắk, Công ty TNHH Dakman Việt Nam, Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Intimex tại Buôn Ma Thuột và Công ty TNHH Sucden Coffee Việt Nam. Công ty TNHH một thành viên XNK 2/9 Đắk Lắk tiếp tục là đơn vị dẫn đầu trên địa bàn tỉnh về xuất khẩu cà phê với 106.404 tấn, đạt kim ngạch 219,995 triệu USD; tiếp đến là Công ty TNHH Sucden Coffee Việt Nam với lượng cà phê xuất khẩu đạt 53.081 tấn, kim ngạch 105,917 triệu USD. Có 02 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chuyên chế biến và xuất khẩu cà phê hòa tan là Công ty TNHH cà phê Ngon và Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển An Thái.

Biểu đồ: xuất khẩu cà phê của tỉnh Đắk Lắk trong các niên vụ gần đây



Nguồn: Sở Công thương

2.2. Thị trường xuất khẩu

Trong niên vụ 2021-2022, cà phê Đắk Lắk xuất khẩu đến 64 thị trường (tăng 4 thị trường so với niên vụ 2020-2021), trong đó thị trường Nhật Bản tiếp tục là thị trường lớn nhất của cà phê Đắk Lắk với kim ngạch 117,947 triệu USD (tăng 54,5% về kim ngạch so với niên vụ trước), tiếp sau là thị trường Italia với kim ngạch 72,078 triệu USD (tăng 56,1% so với niên vụ trước)... Có 41 thị trường đạt kim ngạch trên 01 triệu USD, số thị trường đạt kim ngạch trên 10 triệu USD là 21 thị trường, tăng 09 thị trường so với niên vụ trước.

Đối với cà phê hòa tan: Niên vụ này xuất khẩu đến 19 thị trường, trong đó Indonesia và Israel là 02 thị trường lớn nhất với kim ngạch lần lượt đạt 43,732 triệu USD và 19,889 triệu USD.

Nhìn chung cà phê Đắk Lắk vẫn tập trung xuất khẩu sang các thị trường truyền thống lâu nay như Đức, Thụy sỹ, Nhật Bản, Italia, Mỹ ... Với việc dịch

bệnh COVID-19 trên toàn thế giới cơ bản được khống chế dù vẫn còn những diễn biến phức tạp nhưng cà phê được xếp vào mặt hàng thiết yếu ở các nước phương Tây vì vậy việc xuất khẩu cà phê của tỉnh vẫn được duy trì ổn định và có sự tăng trưởng khá như tại thị trường Nhật Bản, Italia, Đức, Thụy Sĩ...

Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới sẽ tạo nhiều cơ hội hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất khẩu cà phê của tỉnh.

Top 10 thị trường có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất niên vụ 2021-2022

STT	Thị trường	Niên vụ 2021-2022	
		Số lượng (Tấn)	Kim ngạch (1.000 USD)
1	Nhật Bản	61.216	117.947
2	Italia	37.125	72.078
3	Đức	34.360	67.164
4	Thụy Sĩ	28.856	50.783
5	Nga	23.302	47.080
6	Indonesia	10.663	46.990
7	Tây Ban Nha	16.982	31.600
8	Mỹ	11.058	30.797
9	Israel	5.924	25.719
10	Hàn Quốc	12.243	23.507
Tổng cộng		218.427	513.665

Nguồn: Sở Công Thương

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CÀ PHÊ

1. Thông tin chung

Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” sử dụng cho cà phê Robusta được mở rộng phạm vi bảo hộ tại Quyết định số 939/QĐ-SHTT ngày 05/4/2021 của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cho 04 dạng sản phẩm cà phê Robusta, bao gồm cà phê nhân, cà phê hạt rang, cà phê bột, cà phê hòa tan nguyên chất.

- Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” cho cà phê nhân được cấp cho các tổ chức, cá nhân có đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trực tiếp sản xuất hoặc hợp tác liên kết sản xuất trên các huyện: Ea H’Leo, Krông Búk, thị xã Buôn Hồ, Krông Pắc, Krông Ana, Cư Kuin, Cư M’gar, Krông Năng, Buôn Đôn và thành phố Buôn Ma Thuột.

- Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” cho cà phê hạt rang, cà phê bột, cà phê hòa tan nguyên chất được cấp cho các tổ chức, cá nhân có đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Cấp quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý

- Trong năm 2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã gia hạn quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột cho 12 doanh nghiệp, bao gồm: Công ty TNHH MTV cà phê Phước An, Công ty TNHH MTV cà phê cao Thắng 10, Công ty CP ĐT XNK Đắc Lắc, Công ty TNHH MTV cà phê Ea Pôk, Công ty TNHH MTV cà phê Buôn Hồ, Công ty TNHH MTV XNK 2/9 Đak Lak, Công ty TNHH MTV cà phê 15, Công ty TNHH MTV cà phê Thắng Lợi, Công ty TNHH DakMan Việt Nam, Công ty TNHH Thương mại Phúc Minh, Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ công bằng EaTu, Hợp tác xã dịch vụ công bằng Ea Kiệt. Lũy kế đến năm 2021, có 12 công ty, hợp tác xã được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột với tổng diện tích 20.326 ha, sản lượng đăng ký 39.890 tấn/năm.

- Cà phê rang xay có sử dụng Logo Chỉ dẫn địa lý: Nhằm tăng cường hệ thống nhận diện thương hiệu cà phê “Buôn Ma Thuột” trên sản phẩm cà phê rang xay, Hiệp hội thành lập ra Chi hội nhà rang xay cà phê Buôn Ma Thuột và cấp quyền sử dụng Logo chỉ dẫn địa lý rang xay. các đơn vị được cấp quyền sử dụng Logo chỉ dẫn địa lý rang xay phải đảm bảo nguyên liệu đầu vào được mua của các đơn vị được trao quyền chỉ dẫn địa lý cà phê nhân. Trong năm 2021 có khoảng 193 tấn cà phê rang xay mang thương hiệu chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột được thương mại trên thị trường nội địa.

3. Tổ chức cuộc thi Cà phê đặc sản Việt Nam năm 2021

- Cuộc thi cà phê đặc sản Việt Nam 2022 có 83 mẫu dự thi. Kết quả có 68 mẫu dự thi đạt đặc sản (trong đó có 41 mẫu Robusta và 27 mẫu Arabica). Các đơn vị có mẫu dự thi đạt Top 3 Robusta và Top 3 Arabica được trao Cup cuộc thi và Bằng khen của UBND tỉnh Đắc Lắc, như sau:

- Top 3 Robusta: Hợp tác xã Ea Tân (Đắc Lắc), Công ty TNHH MTV Minudo Farm - Care (Đắc Lắc), Nông trại cà phê Chín Ea Tân (Đắc Lắc).

- Top 3 Arabica: Công ty TNHH MTV Minudo Farm - Care (Đắc Lắc), Công ty cổ phần Thương mại đầu tư DATHACO (Tp. HCM), Công ty TNHH Pun Coffee (Quảng Trị).

4. Đăng ký bảo hộ quốc tế thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột

- Hiện nay, UBND tỉnh Đắc Lắc đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ chấp thuận bảo hộ chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột tại Quyết định số 939/QĐ-SHTT ngày 05/4/2021 về mở rộng phạm vi bảo hộ chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột sang các dạng sản phẩm cà phê khác, bao gồm: cà phê nhân Robusta, cà phê hạt rang, cà phê bột, cà phê hòa tan nguyên chất

- Ngoài ra, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục phối hợp Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột hoàn thiện hồ sơ đề bảo hộ chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột tại thị trường Nhật bản, EU, Trung Quốc, Singapore . Chuẩn bị hồ sơ chuyển hình thức từ “tên gọi xuất xứ hàng hóa” thành “Chỉ dẫn địa lý” tại Liên bang Nga.

IV. TÌNH HÌNH XÚC TIẾN KÊU GỌI ĐẦU TƯ:

Hiện nay, UBND tỉnh tăng cường công tác xúc tiến, thu hút, mời gọi các nhà đầu tư lớn, có kinh nghiệm, đã và đang đầu tư các dự án chế biến cà phê chuyên sâu (chế biến tinh) tại Việt Nam đầu tư tại địa phương. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án, từ đó tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương, xây dựng Đắk Lắk từng bước trở thành điểm đến hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tính riêng trong lĩnh vực chế biến cà phê, đến nay trên địa bàn tỉnh hiện có 19 dự án đầu tư chế biến cà phê cụ thể:

1. Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài: Có 04 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trong ngành chế biến cà phê với tổng vốn đầu tư 1.462,9 tỷ đồng, gồm: (1) Dự án Liên doanh chế biến cà phê nhân xuất khẩu DakMan - Buôn Ma Thuột của Công ty TNHH Dakman Việt Nam, tổng vốn đầu tư 117,4 tỷ đồng, công suất 50.000 tấn cà phê nhân/năm và 5.000 tấn ca cao/năm; (2) Dự án Nhà máy chế biến cà phê, hạt điều, hồ tiêu và các loại nông sản khác của Công ty TNHH Olam, tổng vốn đầu tư 17,54 tỷ đồng, công suất chế biến cà phê nhân: 40.000 tấn/năm; hạt điều: 4.000 tấn/năm; hạt tiêu: 1.000 tấn/năm; các loại nông sản khác: 100 tấn/năm; (3) Dự án Chế biến xuất khẩu cà phê nhân của Công ty TNHH Cà phê Hà Lan Việt Nam, tổng vốn đầu tư 53 tỷ đồng, công suất 35.000 tấn/năm; (4) Dự án Nhà máy chế biến cà phê hòa tan “Cà phê Ngon” của Công ty TNHH Cà phê Ngon, tổng vốn đầu tư 1.275 tỷ đồng, với công suất sản xuất cà phê hòa tan 10.000 tấn/năm; sản xuất cà phê lỏng 6.000 tấn/năm; mua bán, xuất nhập khẩu cà phê nhân 12.000 tấn/năm

2. Dự án đầu tư trong nước: Có 15 dự án đầu tư chế biến cà phê với tổng vốn đầu tư 1.968,52 tỷ đồng (trong đó có 11 dự án đi vào hoạt động và 04 dự án đang thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư). Một số dự án tiêu biểu đi vào hoạt động đạt hiệu quả như: Dự án nhà máy chế biến cà phê hòa tan của Công ty cà phê An Thái tại Khu công nghiệp Hòa Phú, với vốn đầu tư khoảng 294 tỷ đồng; Dự án Nhà máy chế biến cà phê, nông sản xuất khẩu, cà phê bột của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Intimex tại Cụm Công nghiệp Tân An, với công suất 34.500 tấn/năm, vốn đầu tư 30,8 tỷ đồng...

V. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NIÊN VỤ CÀ PHÊ 2021-2022

1 Đánh giá chung: Niên vụ cà phê 2021 - 2022 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng xung đột quân sự Nga- Ukraina và ảnh hưởng của đại dịch COVID -19 trên toàn cầu khiến giá cả leo thang, kinh tế thế giới lạm phát cao, biến đổi khí hậu toàn cầu, thời tiết thay đổi thất thường đã tác động đến sản xuất nông nghiệp nói chung và ngành cà phê nói riêng.

- Hiện nay, công tác quản lý và sử dụng Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột ngày càng được các tổ chức, cá nhân quan tâm. Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột đã được mở rộng cho 04 dòng sản phẩm cà phê nhân, cà phê hạt rang, cà phê bột, cà phê hòa tan nguyên chất. Đây là nỗ lực lớn của tỉnh nhằm đưa được sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột đến người tiêu dùng cuối cùng. Chất lượng cà phê mang chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột ngày càng được khẳng định thông qua Cuộc thi cà phê cà phê đặc sản Việt Nam năm 2022.

Công tác xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường đã được quan tâm chú trọng, đã xây dựng được thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột gây ấn tượng với bạn bè trong nước và quốc tế, giúp cho việc quảng bá thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột, cà phê Việt Nam ra thị trường thế giới.

- Chất lượng cà phê xuất khẩu đã được doanh nghiệp quan tâm, đảm bảo được yêu cầu chất lượng cà phê cho xuất khẩu. Xuất khẩu cà phê hòa tan vẫn chiếm tỷ lệ rất nhỏ và chưa đem lại nhiều giá trị gia tăng cho ngành cà phê Đắk Lắk.

- Ngoài ra để nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh mặt hàng cà phê của tỉnh, cả người sản xuất và doanh nghiệp cà phê đã đầu tư vốn để chăm sóc, tái canh diện tích cà phê già cỗi cho năng suất thấp, đầu tư máy móc thiết bị chế biến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê trên thị trường.

2 Một số khó khăn tồn tại: Niên vụ cà phê 2021-2022 còn một số tồn tại, khó khăn sau.

- Diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp, trái quy luật, nắng nóng, khô hạn, mưa bão, lũ lụt ngày càng bất thường, tình trạng sâu bệnh hại có chiều hướng gia tăng cả về chủng loại và cấp độ.

- Sự suy giảm diện tích đất canh tác do đô thị hóa, cùng với suy thoái về chất lượng đất, xói mòn, rửa trôi, bạc màu ngày càng phổ biến. Hệ thống sản xuất cà phê vẫn tiềm ẩn yếu tố kém bền vững do tình trạng sử dụng lãng phí và chưa hợp lý các nguồn tài nguyên, vật tư đầu vào....

- Hình thức tổ chức sản xuất cà phê hiện nay của tỉnh chủ yếu là sản xuất nông hộ, quy mô diện tích nhỏ, manh mún. Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất ngày càng xuống cấp và chưa đồng bộ, vấn đề thiếu sân phơi, nhà kho, thiết bị chế biến, thiếu nhân công nhất là lao động thu hái, chế biến cà phê khi vào vụ thu hoạch... đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sản phẩm.

- Hiện nay giá một số loại cây ăn như quả sầu riêng ở mức cao nên người dân có khuynh hướng trồng xen và cải tạo dần mà không tái canh toàn bộ diện tích cà phê dẫn đến khó khăn trong việc vay vốn ngân hàng hoặc chặt bỏ cây cà phê chuyển sang trồng cây ăn quả. Biến động giá cà phê, vật tư đầu vào các loại, chi phí vận chuyển liên tục tăng cao đã ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của người sản xuất cà phê.

- Cà phê nhân có chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột đã có mặt trên thị trường trong nước nhưng số lượng tiêu thụ còn ít. Hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại các sản phẩm cà phê nói chung và cà phê Buôn Ma Thuột còn hạn chế, chưa có giải pháp cụ thể cho đẩy mạnh xúc tiến thương mại cà phê có chỉ dẫn địa lý cũng như các loại cà phê bền vững có chứng nhận nhằm đẩy mạnh xúc tiến xuất khẩu cà phê ra thị trường thế giới.

- Sản phẩm cà phê được chế biến theo công nghệ ướt, chế biến sâu còn nhiều hạn chế do vậy giá cà phê nhân xuất khẩu cũng như giá trị gia tăng thấp, ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân. Công tác thu hút, mời gọi các dự án đầu tư vào sản xuất, chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng nhưng chưa đồng bộ. Các nhà đầu tư chủ yếu quan

tâm đến chế biến thô, giá trị thấp, chưa mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho địa phương cũng như tăng thu nhập cho người nông dân. Việc triển khai chính sách đối với ngành cà phê vẫn còn nhiều bất cập, thiếu thực tiễn, chưa đầy đủ và đồng bộ, dẫn đến khó khăn cho cả doanh nghiệp và người nông dân.

- Thiếu sự gắn kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu; nhiều doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu cà phê trên địa bàn chưa quan tâm đến phát triển vùng nguyên liệu.

B. KẾ HOẠCH NIÊN VỤ CÀ PHÊ 2022 - 2023

I. TÌNH HÌNH CÀ PHÊ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

1. Tình hình cà phê Thế giới

- Trong báo cáo mới nhất về triển vọng cung - cầu cà phê thế giới của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo sản lượng cà phê toàn cầu trong niên vụ 2022-2023 sẽ phục hồi và tăng 7,8 triệu bao (4,7%) so với niên vụ trước lên mức 175 triệu bao chủ yếu nhờ Brazil vào năm được mùa của chu kỳ hai năm một lần. USDA ước tòn kho cuối vụ toàn cầu cũng tăng 2,1 triệu bao (6,3%) đạt 34,7 triệu bao. Xuất khẩu cà phê toàn cầu dự báo tăng 1 triệu bao, lên 141,5 triệu bao nhờ xuất khẩu của Brazil và Indonesia cao hơn. Trong đó, xuất khẩu cà phê nhân là 118,2 triệu bao, tăng từ mức 117,3 triệu bao của vụ trước. Còn lại 18,3 triệu bao là cà phê hòa tan và 5 triệu bao là cà phê rang xay.

- Tại Brazil, sản lượng cà phê arabica được dự báo sẽ tăng 5,1 triệu bao lên 41,5 triệu bao. Phần lớn các khu vực sản xuất đang trong chu kỳ sản xuất hai năm một lần, do đó sản lượng khả năng sẽ cao hơn trong vụ tới. Tuy nhiên, sản lượng này vẫn thấp hơn nhiều so với mức đỉnh gần 50 triệu bao trong các vụ mùa gần đây. Nhiều vùng trồng cà phê arabica tiếp tục phục hồi sau các đợt sương giá nghiêm trọng vào tháng 6 và tháng 7/2021 cũng như nhiệt độ cao và lượng mưa dưới mức trung bình cho đến tháng 9/2021. Trong khi đó, vụ thu hoạch cà phê robusta được dự báo sẽ tiếp tục tăng và đạt mức kỷ lục 22,8 triệu bao, tăng 1,1 triệu bao so với vụ trước do điều kiện thời tiết thuận lợi và quản lý cây trồng tốt. Diện tích thu hoạch tăng nhẹ cũng góp phần làm tăng sản lượng. Như vậy, tổng sản lượng thu hoạch arabica và robusta của Brazil trong vụ 2022 - 2023 là 64,3 triệu bao, tăng 6,2 triệu bao so với vụ trước.

- Tại Colombia, sản lượng cà phê arabica được dự báo không đổi ở mức 13 triệu bao trong điều kiện sản xuất bình thường. Nguyên nhân được cho là vì người nông dân hạn chế sử dụng phân bón do giá tăng đột biến gần đây. Colombia phụ thuộc nhiều vào các thành phần phân bón nhập khẩu như nitơ, photpho và kali. Liên đoàn người trồng cà phê Colombia (Fedecafe) đã cung cấp một số lượng phân bón thông qua chương trình tái canh, nhưng nó không đủ để đáp ứng được tổng nhu cầu phân bón của các thành viên. Xuất khẩu cà phê của Colombia được dự báo tương đương vụ trước ở mức 11,8 triệu bao, chủ yếu là xuất sang Mỹ và Liên minh châu Âu.

- Tại Ấn Độ, sản lượng được dự báo sẽ tăng 200.000 bao lên 5,7 triệu bao do thời tiết thuận lợi trong giai đoạn ra hoa và đậu trái, điều này dự kiến sẽ cải thiện đáng kể năng suất cà phê arabica và robusta. Xuất khẩu cà phê của Ấn Độ

được dự báo sẽ tăng 100.000 bao lên 3,9 triệu bao trong niên vụ 2022-2023, trong khi tồn kho vẫn ổn định.

- Sản lượng của Indonesia được dự báo sẽ tăng gần 800.000 bao lên 11,4 triệu bao trong niên vụ 2022 - 2023. Riêng sản lượng robusta dự kiến đạt 10 triệu bao trong điều kiện sản xuất thuận lợi ở các vùng đất thấp của Nam Sumatra và Java, nơi trồng khoảng 75% cà phê robusta. Mùa thu hoạch chính ở phía nam đảo Sumatra đã bắt đầu vào tháng 3 và dự kiến sẽ tiếp tục đến tháng 7. Sản lượng arabica cũng được dự báo tăng nhẹ lên 1,4 triệu bao. Xuất khẩu của Indonesia dự báo sẽ tăng 200.000 bao lên 6,5 triệu bao trong niên vụ 2022 - 2023.

- Nhập khẩu cà phê của Liên minh châu Âu trong niên vụ 2022 - 2023 được dự báo sẽ tăng 1 triệu bao lên 46 triệu bao và chiếm 40% lượng cà phê nhân nhập khẩu của thế giới. Các nhà cung cấp hàng đầu bao gồm Brazil (40%), Việt Nam (20%), Uganda (8%) và Honduras (7%). Các kho dự trữ cuối kỳ của châu Âu dự kiến sẽ giảm 400.000 bao xuống 12,4 triệu bao để duy trì mức tăng khiêm tốn trong tiêu thụ. Mỹ, nước nhập khẩu cà phê nhân lớn thứ hai được dự báo sẽ tăng 500.000 bao nhập khẩu trong vụ 2022-2023, lên mức 25,5 triệu bao. Các nhà cung cấp hàng đầu bao gồm Brazil (30%), Colombia (19%), Việt Nam (10%) và Honduras (7%). Dự trữ cuối kỳ được dự báo sẽ tăng 300.000 bao lên 6,5 triệu bao.

2. Tình hình cà phê tại Việt Nam: Sản lượng cà phê Việt Nam dự đạt 30,9 triệu bao, giảm 700.000 bao so với vụ thu hoạch kỷ lục của năm ngoái. Diện tích canh tác được dự báo không thay đổi so với năm trước, với hơn 95% tổng sản lượng vẫn là robusta. Mùa mưa bắt đầu sớm hơn những năm trước giúp cà phê ra hoa và phát triển tốt, đồng thời điều kiện thời tiết ẩm ướt hơn bình thường cũng giúp giảm chi phí tưới tiêu. Tuy nhiên, giá phân bón tăng vọt lên tới 70% trong 6 tháng qua trong khi giá cà phê trong nước vẫn đi ngang khiến nông dân giảm sử dụng phân bón, điều này có thể dẫn đến sự sụt giảm năng suất và sản lượng so với năm trước. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam được dự báo sẽ giảm 1 triệu bao trong niên vụ 2022 - 2023, xuống 25 triệu bao và tồn kho cuối kỳ gần như không đổi ở mức 3,5 triệu bao.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CÀ PHÊ TRONG TỈNH NIÊN VỤ 2022- 2023

1. Về sản xuất: Dự kiến diện tích cà phê niên vụ 2022 - 2023 khoảng 204.000 ha, tổng sản lượng ước đạt khoảng 526.000 tấn. Quan điểm của tỉnh Đắk Lắk không tăng diện tích cà phê ngoài quy hoạch, tập trung chuyển đổi diện tích cà phê kém hiệu, không đảm bảo nguồn nước sang các loại cây trồng khác; tiếp tục thực hiện Kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2021-2025 đảm bảo đúng theo tiến độ, nhằm cải tạo dần những diện tích vườn cà phê già cỗi, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

2. Về xuất khẩu: Dự kiến số lượng cà phê xuất khẩu cà phê Niên vụ 2022 -2023 dự kiến đạt 420.000 tấn, cụ thể:

STT	Niên vụ 2022-2023	Số lượng (tấn)
------------	--------------------------	-----------------------

01	Quý 4 năm 2022	80.000
02	Quý 1 năm 2023	105.000
03	Quý 2 năm 2023	115.000
04	Quý 3 năm 2023	120.000
	Tổng cộng	420.000

C. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

I. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

1. Để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê Niên vụ 2022 - 2023 yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh. UBND các huyện triển khai Chỉ thị đảm bảo thu hoạch đúng thời vụ.

2. Đề án Phát triển cà phê bền vững tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã kết thúc giai đoạn. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt “Đề án cà phê bền vững tỉnh Đắk Lắk” trên cơ sở tích hợp của 03 đề án (Đề án rà soát, sửa đổi bổ sung Đề án Phát triển cà phê bền vững tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, Đề án vùng nguyên liệu bền vững quy mô lớn 90.000 ha tại Đắk Lắk, Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021-2030). Vì vậy đề nghị các địa phương tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình tái canh cà phê giai đoạn 2021 –2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 30/12/2020, đảm bảo 100% diện tích tái canh được sử dụng giống tốt và áp dụng đúng quy trình tái canh đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành.

3. Đẩy mạnh phát triển sản xuất cà phê đặc sản của tỉnh, nhằm khai thác thêm phân khúc thị trường mới, đa dạng hóa mặt hàng, nâng cao giá trị gia tăng, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường trong và ngoài nước. Định hướng vùng trồng thuận lợi, thích hợp cho sản xuất cà phê đặc sản.

4. Trên cơ sở định hướng phát triển cà phê của tỉnh, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý sản xuất cà phê bền vững: Xây dựng phần mềm quản lý và đào tạo nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai kế hoạch, kiểm tra giám sát sản xuất cà phê bền vững; lập bản đồ số lý lịch vườn cây, cập nhật cơ sở dữ liệu hàng năm về tình hình tái canh, cải tạo giống.

5. Hỗ trợ thực hiện liên kết phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Thúc đẩy tập quán canh tác bền vững trong đó có chú ý đến các vấn đề giảm thiểu mức sử dụng nước tưới, phân bón, hoá chất, cải thiện cảnh quan nông nghiệp và bảo vệ tài nguyên tự nhiên. Tổ chức tập huấn cho các nông hộ quy trình trồng xen cây hồ tiêu, cây bơ và sầu riêng trong vườn cà phê với theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

6. Tổ chức tuyên truyền cho nông dân nhằm nâng cao nhận thức về sản xuất cà phê bền vững, gắn với lợi ích kinh tế - xã hội – môi trường. Vận động nông dân tham gia tổ chức thành lập nhóm hộ, tổ chức nông dân, hợp tác xã ... Tổ

chức hướng dẫn, hỗ trợ và khuyến khích nông dân tập trung thâm canh cà phê theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (GAP), sản xuất cà phê có chứng nhận, mã số vùng trồng từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê.

7. Đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ khuyến công, cán bộ cơ sở về ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến và xử lý môi trường.

8. Tăng cường xúc tiến, mời gọi các nhà đầu tư lớn, có kinh nghiệm, đã và đang đầu tư các dự án chế biến cà phê chuyên sâu (chế biến tinh) tại Việt Nam đầu tư vào tỉnh thông qua các hội nghị, hội thảo mang tầm quốc gia, quốc tế; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại tại các hội chợ, triển lãm ở trong và ngoài nước. Hỗ trợ doanh nghiệp nắm bắt thông tin giá cả, tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu, kết nối và thúc đẩy hợp tác kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước. Có chính sách hỗ trợ danh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu mới; tham gia các hội chợ chuyên ngành cà phê nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác, xuất khẩu cà phê.

9. Hỗ trợ kinh phí trong việc đăng ký bảo hộ mở rộng sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột; Tiếp tục thực hiện công tác quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm; Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến của thế giới như: HACCP, ISO 22000... trong chế biến để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm;

10. Thường xuyên thông tin đến doanh nghiệp các văn bản, quy định của chính phủ, bộ ngành mới ban hành về các lĩnh vực như xuất, nhập khẩu, tài chính, thuế, hải quan... Thường xuyên cập nhật thông tin từ hệ thống thương vụ Việt Nam tại các nước để nắm bắt các thay đổi trong quy định kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu của các, nắm bắt các nhu cầu của các địa phương tại các quốc gia trên thế giới để thông tin đến doanh nghiệp.

II. KIẾN NGHỊ VỚI CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG, HIỆP HỘI CÀ PHÊ - CA CAO VIỆT NAM

1. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xem xét, ban hành các chính sách thu hút khuyến khích đầu tư phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung, hỗ trợ nguồn kinh phí cho công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích cà phê không phù hợp, kém hiệu quả, thiếu nguồn nước sang các loại cây trồng khác, hỗ trợ thực hiện công tác chuyển đổi số cho lĩnh vực trồng trọt.

2. Đề nghị Bộ Công Thương: Hàng năm hỗ trợ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại quốc gia cho tỉnh Đắk Lắk để đẩy mạnh công tác xúc tiến, tìm kiếm thị trường, quảng bá sản phẩm cà phê nhất là sản phẩm cà phê có Chỉ dẫn địa lý “cà phê Buôn Ma Thuột” ra thị trường thế giới.

3. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Có ý kiến chỉ đạo các ngân hàng thương mại ưu tiên giải ngân cũng như có chính sách hỗ trợ lãi suất dành cho doanh nghiệp kinh doanh cà phê của tỉnh.

4. Đề nghị Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam: Tiếp tục hỗ trợ Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột trong bảo hộ và phát triển thương hiệu, phát triển cà phê

đặc sản Việt Nam, hỗ trợ “Cuộc thi cà phê đặc sản Việt Nam 2023”, hỗ trợ, tạo điều kiện tổ chức cuộc thi “Rang cà phê”. Xem xét trích nguồn thu phí xuất khẩu cà phê hỗ trợ cho Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột hoạt động tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến thương mại sản phẩm cà phê.

Trên đây là báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê niên vụ 2021-2022 và kế hoạch sản xuất và tiêu thụ cà phê niên vụ 2022-2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận :

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT, CT, KH&ĐT, Tài chính, KH&CN;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Hiệp hội cà phê cao Việt Nam;
- TT. Tỉnh ủy. TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TN&MT, CT, TC, KH&ĐT, KH&CN, TT&TT;
- NHNNVN- CN Đắk Lắk;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, NNMT;
- Lưu: VT, NNMT (Đg-12b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà